TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH C	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 300/2019/DS-PT Ngày: 12 - 11 - 2019 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuê tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH C

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh
Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn
Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Giang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh C xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2019/TLPT-DS ngày 27 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuê tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 121/2019/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 290/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 207 L, khóm 6, phường 1, TP C ., tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hà Văn S, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 209c L, khóm 6, phường 1, TP C ., tỉnh C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 209c L, khóm 6, phường 1, TP C ., tỉnh C.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn ông Hà Văn S trình bày:

Vào ngày 03/3/2017, ông Nguyễn Văn T1 có cho ông Nguyễn Văn T2 vay số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) với lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, có làm biên nhận. Từ khi vay đến nay, ông T2 không đóng lãi và cũng không trả vốn cho ông T1. Ngoài ra, ông T2 còn nợ ông T1 tiền thuê xe cuốc và tiền thuê phà là 188.000.000đ. Tổng cộng ông T2 còn nợ lại ông T1 số tiền 1.188.000.000đ (một tỷ một trăm tám mươi tám triệu đồng).

Đối với số tiền vay 1.000.000.000đồng, lãi suất tính 2%/tháng tính từ ngày 03/3/2017 đến ngày 15/7/2019 là 28 tháng 12 ngày bằng số tiền 566.600.000đ.

Đối với số tiền thuê xe cuốc và thuê phà là 188.000.000đ, lãi suất 1,2%/tháng tính từ ngày 03/3/2017 đến ngày 15/7/2019 là 28 tháng 12 ngày bằng số tiền 64.070.000 đồng. Tổng cộng các khoản nợ gốc và lãi là 1.818.670.000đ.

Do ông T2 nhận thấy không có khả năng thanh toán nên ngày 30/8/2018, ông T2 và ông T1 thỏa thuận ông T2 sẽ bán căn nhà tại số 209C, L, khóm 6, phường 1, thành phố C, tỉnh C cho ông T1 để đối trừ tiền nợ, giá trị căn nhà hai bên xác định là 700.000.000đ, có làm giấy mua bán nhà đất viết tay do ông T1 và ông T2 cùng ký tên. Như vậy, đối trừ thì ông T2 còn nợ lại ông T1 số tiền 1.118.670.000đ.

Tuy nhiên, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu ông không yêu cầu ông T2 giao nhà và đất tại số 209C, L, khóm 6, phường 1, thành phố C, tỉnh C để đối trừ số nợ nói trên mà nguyên đơn chỉ yêu cầu ông T2 và bà H phải trả cho ông T1 số tiền vay 1.000.000.000đ và tiền thuê xe cuốc 188.000.00đ và lãi cụ thể như sau:

Đối với số tiền vay 1.000.000.000đ, yêu cầu tính lãi 20%/năm tính từ ngày 03/3/2017 đến ngày khởi kiện là ngày 15/7/2019 là 28 tháng 12 ngày bằng số tiền 473.372.140 đồng.

Đối với số tiền thuê xe cuốc và thuê phà là 188.000.000đ, ông không yêu cầu tính lãi.

Tổng cộng các khoản nợ gốc và lãi là 1.661.372.140đ. Ông T1 yêu cầu ông T2 và bà H phải trả tổng số tiền 1.661.372.140đ (một tỷ sáu trăm sáu mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn một trăm bốn mươi đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Ngày 02/9/2016, ông đứng ra ký hợp đồng liên danh với Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Văn T1 do ông Nguyễn Văn T1 làm chủ doanh nghiệp để hợp tác làm ăn. Trong quá trình hợp tác ông thừa nhận ông có vay nợ ông Nguyễn Văn T1 nhiều lần. Sau đó ngày 03/3/2017 (dương lịch) hai bên có viết biên nhận kết lại số nợ ông còn nợ ông T1 1 tỷ đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng đúng như nguyên đơn trình bày. Trong quá trình hòa giải ông đồng ý trả số tiền vay 1.000.000.000đ, nhưng ông xin không đóng lãi do điều kiện làm ăn thất bại.

Đồng thời trong quá trình thi công công trình đến ngày 03/3/2017 ông còn nợ tiền thuê xe cuốc và phà của ông T1 số tiền 188.000.000đ. Ông không đồng ý thanh toán khoản tiền nợ này. Do trong quá trình nợ, vào năm 2018 ông T1 có đến công trình của ông để lấy sắt đi bán trừ số nợ. Tuy nhiên, ông không xác định được ông T1 lấy đi bao nhiêu sắt cừ Larsen, khi giao sắt các bên không làm biên bản giao nhận và biên nhận đối trừ số tiền nợ nói trên.

Đối với căn nhà và đất tọa lạc tại số 209C, L, khóm 6, phường 1, thành phố C, tỉnh C, giữa ông và ông T1 có thỏa thuận bán căn nhà trên để đối trừ nợ vay nói trên. Tuy nhiên, hiện nay ông và ông T1 thỏa thuận không đề cập đến việc chuyển nhượng nhà đất nói trên.

Nhưng hiện tại phiên tòa ông chỉ thừa nhận có nợ ông T1 900.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền nợ này, không đồng ý trả các khoản nợ và tiền lãi như yêu cầu của ông T1.

Bà Phạm Thị H trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn T2, nhà và đất tại số 209C, L, khóm 6, phường 1, thành phố C, tỉnh C là tài sản chung của vợ chồng. Việc thỏa thuận làm ăn giữa ông Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Văn T2 thì bà không hay biết gì hết, hiện bà cũng đồng ý trả số nợ theo ý kiến của ông T2 cùng với ông T2 nhưng xin trả dần.

Từ nội dung tranh chấp trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 121/2019/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều: 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều: 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn T2 và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền 1.661.372.140 đồng (*một tỷ sáu trăm sáu mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn một trăm bốn mươi đồng*). Trong đó, tiền nợ vốn gốc là 1.000.000.000 đồng, tiền lãi 473.372.140 đồng, tiền nợ thuê phà 188.000.000 đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trường hợp thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 03/9/2019, ông Nguyễn Văn T2 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại mức lãi suất theo đúng quy định pháp luật và số tiền nợ trong quá trình thi công, tiền thuê xáng cuốc và tiền thuê phà, ông chỉ chấp nhận trả cho ông T1 số tiền 588.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 121/2019/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T2, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với số tiền đã vay, ông T2 không thống nhất đã vay số tiền

1.000.000.000 đồng như phía nguyên đơn khởi kiện mà chỉ vay 900.000.000 đồng. Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa, ông T2 chỉ đồng ý trả số tiền vay của nguyên đơn là 900.000.000 đồng và số nợ vay trên xuất phát từ việc liên danh giữa Công ty TNHH MTV xây dựng Thiệu Hùng và Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Văn T1. Căn cứ biên nhận ngày 03/3/2017 giữa nguyên đơn, bị đơn, việc ông T2 chỉ thừa nhận vay số tiền 900.000.000 đồng của nguyên đơn là không phù hợp. Tại tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất biên nhận ngày 03/3/2017 do chính bị đơn viết và ký tên. Đồng thời, tại biên bản hòa giải ngày 06/8/2019 ở cấp sơ thẩm, ông T2 cũng thừa nhận có nợ nguyên đơn 1.000.000.000 đồng và đồng ý trả khoản tiền này. Mặc dù ông T2 cho rằng đây là khoản nợ xuất phát từ việc liên danh nhưng Hợp đồng liên danh mà bị đơn cung cấp chỉ có phía bị đơn ký tên không có nguyên đơn ký tên trong hợp đồng. Ngày 22/10/2019, ông T2 cung cấp cho Tòa bản tự khai của ông Lưu Văn Mạnh về việc ông Mạnh là người đã soạn thảo và chứng kiến sự thống nhất giữa ông T2 và ông T1 về các điều khoản trong hợp đồng liên danh, nhưng ông Mạnh không chứng minh, giải thích được lý do vì sau ông T1 không ký tên trong hợp đồng liên danh ngày 02/9/2016 do mình soạn thảo và ông T1 cũng không có thừa nhận việc liên danh như bị đơn và ông Mạnh đề cập. Do đó, Tòa sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đã vay 1.000.000.000 đồng là có căn cứ.

[2] Đối với số tiền lãi án sơ thẩm tuyên bị đơn phải trả cho nguyên đơn: Bị đơn không chấp nhận thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi của số tiền đã vay 1.000.000.000 đồng với mức lãi suất 20%/năm tương ứng với số tiền 473.372.140 đồng. Xét thấy, tại biên nhận ngày 03/3/2017, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định, việc vay tiền giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng. Nhưng tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất 20%/năm, tính từ ngày 03/3/2017 (dương lịch) đến ngày khởi kiện 15/7/2019 là 28 tháng 12 ngày, tương ứng với số tiền là 373.372.140 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Mặc dù, bị đơn cho rằng có trả lãi cho nguyên đơn từ tháng 3/2017 đến tháng 8/2018 (dương lịch) mỗi tháng 20.000.000 đồng. Nhưng khi trả lãi, giữa nguyên đơn và bị đơn không có viết biên nhận, bị đơn cũng không có chứng cứ chứng minh bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi nói trên và nguyên đơn cũng không thừa nhận việc trả lãi như lời trình bày của bị đơn. Từ những chứng cứ trên, án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả lãi cho nguyên đơn số tiền 473.372.140 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với khoản tiền nợ nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh tiền thuê xáng cuốc và thuê phà số tiền 188.000.000 đồng. Bị đơn cũng thừa nhận có thuê phà và xáng cuốc và đồng ý thanh toán số nợ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng đầu năm 2018 nguyên đơn cho người đến công trình đang thi công chở sắt, cừ Larsen và thép tấm để đối trừ khoản nợ trên. Ngày 22/10/2019, bị đơn cung cấp các bản tự khai của anh Dương Thái Linh và anh Lê Huy Mẫn về việc chứng kiến, ghi hình việc ông T1 cho người đến công trình lấy sắt, cừ Larsen và thép để trừ nợ của ông T2. Tuy nhiên, các chứng cứ trên không đủ xác định việc ông T1 lấy sắt để trừ cấn nợ giữa nguyên đơn và bị đơn. Bởi lẽ, khi giao nhận các vật tư trên, các bên không có làm biên bản bàn giao hay biên bản đối chiếu trừ nợ. Bị đơn cũng không

cung cấp được chứng cứ gì mới cho việc chứng minh nguyên đơn đến lấy sắt, cừ Larsen và thép tấm vào thời gian nào? Số lượng đã lấy? giá trị bao nhiêu? không có biên bản bàn giao, biên bản đối chiếu. Ngoài ra, tại phiên công khai chứng cứ và tại biên bản hòa giải bị đơn cũng không có yêu cầu hoặc trình bày về việc nguyên đơn đã lấy sắt, cừ Larsen và thép để trừ nợ. Trong khi nguyên đơn chỉ thừa nhận có việc lấy sắt để trừ cấn nợ diễn ra trước khi hai bên thực hiện việc kết nợ vào ngày 03/3/2017. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu của bị đơn về việc trừ số tiền mà nguyên đơn đã lấy sắt để trừ cấn nợ như bị đơn đã trình bày là có cơ sở. Buộc bị đơn phải thanh toán số tiền thuê phà và xáng cuốc là 188.000.000 đồng cho nguyên đơn là phù hợp.

[4] Tại đơn kháng cáo và tại tòa, ông T2 cũng thừa nhận việc ông T1 không ký vào hợp đồng liên danh, không làm biên bản giao nhận khi đóng lãi cho ông T1 từ tháng 3/2017 đến tháng 8/2018 và các biên bản đối chiếu số sắt, cừ Larsen và thép khi ông T1 trừ cấn nợ là thiếu sót của bản thân. Tại phiên tòa hôm nay, ông T2 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cũng đồng ý cùng có trách nhiệm trả nợ với ông T2 nhưng bà cho là đây là nợ làm ăn của ông T2, không liên quan đến việc ông T1, ông T2 thỏa thuận chuyển nhượng căn nhà của bà. Nhận thấy tại cấp sơ thẩm, các bên đã không yêu cầu về việc chuyển nhượng căn nhà 209C, L, khóm 6, phường 1, thành phố C, nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[6] Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên ông T2 phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 121/2019/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn T2 và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền 1.661.372.140 đồng (*một tỷ sáu trăm sáu mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn một trăm bốn mươi đồng*). Trong đó, tiền nợ vốn gốc là 1.000.000.000 đồng, tiền lãi 473.372.140 đồng, tiền nợ thuê phà 188.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn T2 và bà Phạm Thị H không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả

thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn T2, bà Phạm Thị H phải chịu số tiền 61.841.000 đồng (chưa nộp). Ông Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí, vào ngày 16/7/2019 ông T1 đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 22.780.000 đồng (theo lai thu số 0000464) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn T2 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 03/9/2019, ông T2 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0000694 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đỗ Cao Khánh